

TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024 -2025 KHỐI LỚP 10

MÔN NGỮ VĂN

- Phần đọc (6 điểm): Văn bản thông tin.
- Phần viết (4 điểm): Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

MÔN TOÁN

- 1 - Tập hợp và các phép toán trên tập hợp.
- 2 - Hệ bất phương trình bậc nhất hai.
- 3 - Hàm số và đồ thị.
- 4 - Hàm số bậc hai.
- 5 - Số gần đúng và sai số.
- 6 - Định lý cosin và định lý sin, ứng dụng thực tế.
- 7 - Khái niệm vector, tổng và hiệu của hai vector
- 8 - Tích của một số với một vector.
- 9 - Tích vô hướng của hai vector.

MÔN TIẾNG ANH

I. 2F; 3A+E+ F; 4A

II. Collocations/key phrases: 3F, 4A

- | | | |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1/Have a positive/negative effect on | 2/Cause concern | 3/Express an opinion |
| 4/ Get (good) grades | 5/ play/have a game | 6/ make a decision(s) |
| 7/ have benefits | 8/ do studies/research | |
| 9/ clap/crash of thunder | 10/ flash of lightning | |

III. Phrasal verbs/ prepositions: 4E

- | | | | | |
|-----------------|--------------|---------------|-------------|-------------|
| 1/ heat up | 2/ cut down | 3/ die out | 4/ run out | 5/ use up |
| 6/ come up with | 7/ put off | 8/ look after | 9/ give off | 10/ give up |
| 11/ close down | 12/ carry on | | | |

IV. Grammar

- Tenses: simple past; past continuous, simple present, present continuous
- Modal verb (must, mustn't, needn't, don't have to)
- Quantity (much/many/a lot of/ a little/ a few/ some/ any/ how much/ how many)
- Comparisons
- too...to.../ enough...to..

V. Cloze test/ Reading comprehension - Chủ đề:

- Personal experience in a holiday/ a trip

- Landscapes/ Adventure
- Films and TV programs
- Advertising
- Privacy/Piracy
- Video games and health
- Weather

MÔN VẬT LÝ

1. Chuyển động biến đổi:

- Viết phương trình chuyển động thẳng biến đổi.
- Tính quãng đường đi được.
- Xác định vận tốc và gia tốc của chuyển động.
- Xác định phương trình tọa độ của một chuyển động thẳng biến đổi.
- Đọc đồ thị vận tốc.

2. Chuyển động rơi tự do

- Viết các công thức tính vận tốc và quãng đường đi của chuyển động rơi tự do.
- Đặc điểm về gia tốc rơi tự do được chuyển động rơi tự do.
- Xác định được quãng đường rơi, thời gian rơi, độ cao của vật.
- Xác định độ cao của vật sau t giờ gian rơi.

3. Chuyển động ném ngang

- Tính chất chuyển động ném ngang.
- Các ví dụ thực tế về chuyển động ném.
- Xác định được phương trình độ tọa, phương trình quỹ đạo, tầm bay xa.
- Xác định tốc độ vật đang rơi của chuyển động ném ngang.

4. Ba định luật Newton

- Định luật I, II, III Niu-ton, viết hệ thức của định luật, giải được các bài toán đối với một vật hoặc hệ hai vật chuyển động.
- Mối quan hệ giữa lực, khối lượng và gia tốc được thể hiện trong định luật II Niu-ton và viết được hệ thức của định luật này.
- Gia tốc rơi tự do.
- Xác định được trạng thái cân bằng của vật theo định luật I Niu-ton.
- Kết hợp với chuyển động biến đổi đều xác định lực, vận tốc, quãng đường vật chuyển động.
- Giải thích một số hiện tượng thường gặp trong đời sống và kĩ thuật.
- Biểu diễn được các vectơ lực và phản lực trong một số ví dụ cụ thể.

MÔN HÓA HỌC

1. Dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

- Cấu tạo, nguyên tắc sắp xếp các nguyên tố trong bảng tuần hoàn.
- Phân loại nguyên tố.
- Mối liên hệ vị trí - cấu tạo nguyên tử - tính chất.
- Xu hướng biến đổi tính chất trong cùng chu kỳ hoặc trong cùng nhóm.
- Quy tắc Octet.
- Xác định loại liên kết (liên kết ion, liên kết cộng hóa trị).
- Bài toán một kim loại cụ thể tác dụng với nước hoặc dung dịch HCl.
- Bài toán oxide cao nhất.

2. Dạng câu hỏi trắc nghiệm đúng sai

- Quy tắc Octet.
- Định luật tuần hoàn các nguyên tố hóa học.
- Bản chất, tính chất của liên kết ion, hợp chất ion.
- Bản chất, tính chất của liên kết cộng hóa trị, hợp chất cộng hóa trị.

3. Dạng câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

- Xác định số nguyên tố thuộc chu kỳ/ nhóm cho sẵn (chỉ cho nhóm A).
- Cho giá trị độ âm điện (hoặc bán kính nguyên tử) của 4 nguyên tố A, B, C, D không theo thứ tự. Xác định giá trị độ âm điện (hoặc bán kính nguyên tử) đúng của A/B/C/D.
- Cho các hợp chất cụ thể, xác định có bao nhiêu hợp chất phân tử có liên kết ion?.
- Bài toán oxide cao nhất, hợp chất khí với hydrogen.
- Bài toán tìm 2 nguyên tố thuộc cùng 1 nhóm ở 2 chu kỳ kế tiếp (giới hạn từ chu kỳ 2 đến chu kỳ 4) hoặc thuộc 2 nhóm kế tiếp thuộc một chu kỳ).
- Liên kết cộng hóa trị.

MÔN SINH HỌC

Bài 6. Các phân tử sinh học trong tế bào

- Nêu được khái niệm phân tử sinh học.
- Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hóa học và đơn phân) và vai trò của các phân tử sinh học trong tế bào: carbohydrate, lipid, protein, nucleic acid.
- Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của các phân tử sinh học.
- Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp các phân tử sinh học cho cơ thể.
- Vận dụng được kiến thức về thành phần hóa học của tế bào vào giải thích các hiện tượng và ứng dụng trong thực tiễn (ví dụ: ăn uống hợp lý; giải thích vì sao thịt lợn, thịt bò cùng là protein nhưng có nhiều đặc điểm khác nhau; giải thích vai trò của DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm , ...).

Bài 8. Tế bào nhân sơ

- Mô tả được kích thước của tế bào nhân sơ.
- Mô tả được cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào nhân sơ.

Bài 9. Tế bào nhân thực

- Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của thành tế bào (ở tế bào thực vật) và màng sinh chất.
- Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất.
- Trình bày được cấu trúc của nhân tế bào và chức năng quan trọng của nhân.
- Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các bào quan trong tế bào.
- Quan sát hình vẽ, lập được bảng so sánh cấu tạo tế bào thực vật và động vật, tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

Bài 11. Vận chuyển các chất qua màng sinh chất

- Nêu được khái niệm trao đổi chất ở tế bào.
- Phân biệt được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động. Nêu được ý nghĩa của các hình thức đó. Lấy được ví dụ minh họa.
- Trình bày được cơ chế và ý nghĩa của quá trình xuất, nhập bào.
- Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (muối dưa, muối cà, ...).

Bài 13. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào

- Phát biểu được khái niệm chuyển hóa năng lượng trong tế bào.
- Phân biệt được các dạng năng lượng trong chuyển hoá năng lượng ở tế bào.
- Giải thích được năng lượng được tích lũy và sử dụng cho các hoạt động sống của tế bào là dạng hóa năng (năng lượng tiềm ẩn trong các liên kết hóa học).
- Phân tích được cấu tạo và chức năng của ATP về giá trị năng lượng sinh học.
- Trình bày được quá trình tổng hợp và phân giải ATP gắn liền với quá trình tích lũy, giải phóng năng lượng.
- Trình bày được vai trò của enzyme trong quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.
- Nêu được khái niệm, cấu trúc và cơ chế tác động của enzyme.
- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xúc tác của enzyme.

MÔN LỊCH SỬ

- Bài 4: Văn minh Ai Cập thời Cổ đại (Thành tựu; Ý nghĩa).
- Bài 5: Văn minh Trung Hoa thời Cổ trung đại (Thành tựu; Ý nghĩa; Vận dụng).
- Bài 6: Văn minh Ấn Độ thời Cổ trung đại (Thành tựu; Ý nghĩa; Vận dụng).
- Bài 7: Văn minh Hy Lạp- La Mã thời Cổ đại (Thành tựu; Ý nghĩa; Vận dụng).
- Bài 8: Văn minh thời Phục Hưng (Thành tựu; Ý nghĩa).

MÔN ĐỊA LÝ

1. Lí thuyết

- Trái Đất, thuyết kiến tạo mảng.

- Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.
- Khí áp và gió.
- Mưa.
- Thủy quyển, nước trên lục địa.
- Nước biển và đại dương.
- Đất.
- Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật.
- Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.
- Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.

2. Kỹ năng

- Tính:
 - + Nhiệt độ trung bình năm.
 - + Tổng lượng mưa.
 - + Nhiệt độ thay đổi theo độ cao.
 - + Lưu lượng dòng chảy trung bình năm.
- Vẽ và nhận xét biểu đồ:
 - + Biểu đồ tròn.
 - + Biểu đồ cột ghép.

MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT

Bài 6: Thuế

- Thuế và vai trò của thuế.
- Một số loại thuế phổ biến.
- Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế.

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh và vai trò của sản xuất kinh doanh.
- Các mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mỗi mô hình.

Bài 8: Tín dụng

- Tín dụng và đặc điểm của tín dụng.
- Vai trò của tín dụng.
- Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng.

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

- Tín dụng ngân hàng.
- Tín dụng thương mại.

- Tín dụng tiêu dùng.
- Tín dụng nhà nước.

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

- Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.
- Kế hoạch tài chính cá nhân.
- Tầm quan trọng của lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

CÔNG NGHỆ

- Bài 6: Ứng dụng một số công nghệ mới.
- Bài 8: Bản vẽ kỹ thuật và các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật.
- Bài 9: Hình chiếu vuông góc.
- Bài 10: Mặt cắt và hình cắt.

TIN HỌC

Chủ đề A: Máy tính và xã hội tri thức

- Bài 1. Dữ liệu, thông tin và xử lý thông tin..
- Bài 2: Sự ưu việt của máy tính và những thành tựu của Tin học.
- Bài 3: Thực hành sử dụng thiết bị số.
- Bài 4: Tin học trong phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ đề B: Mạng máy tính và Internet

- Bài 1. Mạng máy tính với cuộc sống.
- Bài 2. Điện toán đám mây và Internet vạn vật.
- Bài 3. Thực hành một số ứng dụng của mạng máy tính.

Chủ đề D: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số

- Bài 1. Tuân thủ pháp luật trong môi trường số.
- Bài 2. Thực hành vận dụng một số điều luật về chia sẻ thông tin trong môi trường số.